

Tục thờ vật tổ và biểu hiện của nó trong đời sống cộng đồng dân tộc Thái

Lê Hải Đăng^(*)

Tóm tắt: Trong xã hội cổ truyền của các cộng đồng người, tục tôn kính một loài động vật hay thực vật nào đó với quan niệm như là nguồn cội lịch sử của tộc người, gọi là tục thờ vật tổ (sau đây sẽ sử dụng thuật ngữ phổ biến là totem). Bài viết giới thiệu và phân tích một số quan điểm của các nhà nghiên cứu về tục thờ totem; những biểu hiện và ứng xử của các cộng đồng người nói chung đối với totem và ý nghĩa xã hội của tín ngưỡng này. Đi sâu tìm hiểu một trường hợp cụ thể, bài viết bàn về tục thờ totem ở tộc người Thái ở Việt Nam - một trong những tộc người còn duy trì đời sống tâm linh khá phong phú.

Từ khóa: Totem, Totem giáo, Tục thờ totem, Dân tộc Thái

Abstract: In traditional societies, the custom of worshipping an animal or plant species as the origin of the ethnic people is called totem worship. The paper introduces and analyzes some viewpoints of researchers on totem workshop, totemic manifestation and its social meanings as well as behaviors of the general population. The paper also provides a case study of totem worship in Thai ethnic group, one of the ethnic groups in Vietnam who retains a relatively rich spiritual life nowadays.

Keyword: Totem, Totemism, Thai Ethnic Group

1. Nhận thức về totem

Vật tổ hay totem khởi nguồn từ phương ngữ của người Ojibwa, một bộ tộc da đỏ ở Mỹ. Totem trong ngôn ngữ của người Ojibiwa là *họ hàng* hay *có họ hàng*. Thuật ngữ này lần đầu tiên được biết đến vào năm 1791 qua một thông ngôn của bộ lạc Ojibwa là J.K. Long, và nhanh chóng thu hút mối quan tâm lớn của giới khoa học. Thời gian sau đó, có nhiều tư liệu ghi chép

về các nghi thức, nghi lễ, tín ngưỡng liên quan đến totem.

Từ những tư liệu ghi chép này, James Fraser đã thu thập, tổng hợp, phân tích và viết tác phẩm *Totemism and Exogamy* (Thuyết totem và Ngoại hôn) gồm 4 tập, xuất bản năm 1910. Cuốn sách được xem là tác phẩm kinh điển của giới nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, có tác động rất lớn đến tình hình nghiên cứu tôn giáo tín ngưỡng thời bấy giờ. Một số nhà nghiên cứu đón nhận tác phẩm này với tinh thần thừa nhận sự tồn tại một hình thức tôn giáo

^(*) PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: lehaidang74@gmail.com

sơ khai - *Totem giáo*, nhưng cũng không ít người không đồng tình với những lý giải của J. Fraser và đã cất công đi tìm cách giải mã của riêng mình. Bàn về vấn đề này còn có bài viết nổi tiếng “*The Secret of the Totem*” của Andrew Lang xuất bản năm 1905, nhưng có lẽ công lao phát hiện ra ý nghĩa của totem giáo thuộc về J. Ferguson McLennan - nhà dân tộc học người Scotland.

Những ý kiến trái chiều về totem tồn tại trong một thời gian dài. Nhiều tranh luận khoa học liên quan đến vấn đề này đã nổ ra và đến nay vẫn chưa có hồi kết. Những ý kiến trái chiều này tựu trung lại thể hiện hai luồng quan điểm chính: Luồng quan điểm thứ nhất cho rằng đây là một hình thức tôn giáo; Luồng quan điểm thứ hai cũng công nhận sự tồn tại của hình thức totem, nhưng không công nhận đó là hình thức tôn giáo mà chỉ coi totem như là cách tư duy phân loại của người nguyên thủy.

Trở lại với thuật ngữ *totem* do J.K. Long đưa ra, tạp chí *Handbook of North American Indians* của Hội Dân tộc học Mỹ cho rằng, J.K. Long đã nhầm lẫn giữa một bên là cách gọi tên thị tộc (tên con vật ứng với tên thị tộc) với những tín ngưỡng liên quan đến vị thần hộ mệnh cho cá nhân của người Ojibwa khi ông giới thiệu từ *totem* với nghĩa là *thần hộ mệnh*. Sự thật, theo huyền thoại của người Ojibwa, giữa thị tộc và totem không có quan hệ trực tiếp, chỉ có quan hệ gián tiếp. Tương tự trường hợp ở châu Úc, totem đôi khi mang một tên khác với con vật, do đó tên gọi của thị tộc thường không trực tiếp gọi lên trong đầu óc thổ dân loài vật hay loài thảo mộc nào. Tương quan như vậy rõ ràng khác với tương quan giữa cá nhân và vị thần hộ mệnh có tính cách trực tiếp của mình. Vậy, cần phải phân biệt totem chung cho tập thể và thần hộ mệnh riêng của cá nhân (Trần Đỗ Dũng, 1967).

Theo Sigmund Freud, *totem* là những con vật, có thể hiền lành cũng có thể đáng sợ, được các bộ tộc ở châu Úc đặt cho các chi họ của mình (Sippe), nhưng hiếm khi là một cái cây hay hiện tượng tự nhiên như mưa, nước... Bái vật trước tiên là ông tổ của chi họ, nhưng đồng thời cũng là thần hộ mệnh và cứu tinh của họ, người cho họ tiên tri, trong khi nó là vật nguy hiểm với các nhóm khác thì nó lại hiền rõ và rộng lượng với con cháu mình. Những người thờ cúng cùng một totem có nghĩa vụ thiêng liêng và luôn tâm niệm không được giết và ăn thịt totem. Trong các buổi lễ, những người cùng chung totem biểu diễn và tưởng nhớ đến các hành động và tính cách của totem thông qua các vũ điệu. Hầu như ở mọi nơi có totem đều theo quy luật là mọi thành viên cùng một totem không được phép có quan hệ giới tính với nhau, tức là không được phép lấy nhau. Đó chính là chế độ hôn nhân ngoại tộc đi liền với totem (Sigmund Freud, 2001: 45).

2. Các dạng thức totem

Có nhiều cách tiếp cận để phân loại totem, vì vậy việc phân loại không hoàn toàn giống nhau. Dù tiếp cận theo hướng nào, về cơ bản có thể gom lại thành ba loại totem như sau:

- *Totem* bộ tộc (*Clantotem*) mà cả bộ tộc lệ thuộc vào và được truyền đời từ thế hệ này sang thế hệ tiếp sau;

- *Totem* giới tính thuộc về người đàn ông hay đàn bà của một bộ tộc;

- *Totem* cá nhân thuộc về riêng một người và không chuyển sang cho người khác được.

Hai loại totem sau không ảnh hưởng gì đến totem của cả bộ tộc. Có thể nó hình thành muộn và không có nhiều ý nghĩa đối với hệ thống totem.

Totem bộ tộc là đối tượng suy tôn của một nhóm đàn ông và đàn bà cùng totem,

giữ gìn cho hậu thế một tổ tiên chung và liên hệ chặt chẽ, đối lập với nhau bằng những nghĩa vụ chung cũng như hòa đồng với nhau bởi tín ngưỡng đối với totem.

Công trình *Les formes élémentaires de la vie religieuse* của Emile Durkheim tái bản lần thứ 5 (năm 2005) phân biệt totem như sau:

Totem tập thể: Cộng đồng coi một loài vật, loài cây hay một đồ vật... có quan hệ đặc biệt với cộng đồng, đặc biệt là quan hệ họ hàng, là totem của cộng đồng. Những người cùng chung totem có thể là họ hàng nhưng cũng có thể không có quan hệ máu mủ, họ phải tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phải để tang khi người khác chết, không được lấy người trong cộng đồng cùng chung totem...

Totem cá thể: mỗi cá nhân còn có liên hệ riêng với một vật nào đó tương tự như liên hệ giữa thị tộc và totem tập thể. Tuy nhiên, quan hệ totem cá thể khác với totem tập thể.

Totem tính dục: Ở một số bộ lạc, nơi mà đàn ông một phe, đàn bà một phe, thường thấy xuất hiện một hữu thể đóng vai trò một biểu tượng cho phái của họ và che chở, phù hộ cho họ (Dẫn theo: Trần Đỗ Dũng, 1967).

3. Totem giáo (totemism)

Từ những biểu hiện của tục thờ totem phổ biến ở nhiều cộng đồng người, năm 1869, Mc. Lennan - nhà dân tộc học người Scotland đã khái niệm hóa thành một thuật ngữ chuyên dụng của ngành dân tộc học - *totem giáo* (totemism). Ông đã định nghĩa totem giáo bằng một công thức nổi tiếng như sau:

Totemism = Thờ totem + kết hôn ngoại tộc + mẫu hệ

Công thức này của Mc. Lennan tuy không còn phù hợp với những dữ kiện dân tộc học mà sau này các nhà dân tộc học thu được từ những địa vực khác nhau trên

thế giới (ví dụ như nhiều bộ lạc có tục thờ totem nhưng không theo chế độ mẫu hệ), nhưng lịch sử khoa học vẫn phải nhớ đến ông như một người tiên phong khái quát hóa một hiện tượng tưởng như riêng lẻ thành một lý thuyết (Dẫn theo: Bùi Quang Thắng, 2004).

Mc. Lennan dự đoán rằng đại bộ phận các phong tục tập quán trong các xã hội cổ đại và hiện đại phải được hiểu là những phần còn sót lại của một giai đoạn totem giáo. Mc. Lennan đã có công phổ quát hóa và biến totem giáo thành một vấn đề quan trọng của khoa học, làm khoa học phải công nhận ý nghĩa của totem giáo, trong khi trước đó vấn đề totem được xem là kỳ quặc.

Trong tác phẩm *The History of Melanesian Society*, W.H.R. Rivers định nghĩa tục thờ totem như là một thứ “tôn giáo” được tạo nên từ 3 thành tố:

1) Yếu tố xã hội: Có tương quan giữa vạn vật với một đoàn thể trong bộ lạc, điển hình là với một đoàn thể ngoại hôn hay với một thị tộc;

2) Yếu tố tâm lý: Tin rằng người và vạn vật có họ hàng với nhau; Người sinh ra vạn vật;

3) Yếu tố lễ nghi: Phải tôn kính vạn vật, điển hình là cấm xúc phạm đến những vật được tôn kính đó (Dẫn theo: Trần Đỗ Dũng, 1967).

Năm 1900, S. Reinach khái quát 12 điểm trong cách ứng xử của các tộc người với con vật totem như sau:

1) Không giết và ăn thịt một số con vật; Con người nuôi nấng một số cá thể của loài vật đó và chăm sóc chúng;

2) Một con vật ngẫu nhiên bị chết được để tang và được chôn cất như một thành viên của bộ tộc;

3) Cấm ăn thịt con vật hoặc một bộ phận nào đó của con vật;

4) Nếu người ta ở trong hoàn cảnh phải giết con vật, người ta xin nó tha lỗi và tìm cách làm giảm thiểu sự vi phạm cấm kỵ giết totem bằng các khái niệm nghệ thuật;

5) Khi con vật bị hiến tế, nó được khóc thương một cách long trọng;

6) Trong một số dịp hội hè, nghi lễ tôn giáo, người ta trưng bộ da của con vật totem;

7) Các bộ tộc và các cá nhân lấy tên mình là tên con vật totem;

8) Nhiều bộ tộc dùng hình vẽ con vật làm huy hiệu trang trí cho vũ khí của họ; đàn ông thì vẽ lên mình những hình ảnh con vật hoặc tự xăm;

9) Khi totem là con vật nguy hiểm và đáng ghê sợ, các thành viên bộ tộc được miễn mang tên nó;

10) Totem được bảo vệ và totem che chở cho các thành viên bộ tộc;

11) Totem báo trước tương lai cho các thành viên bộ tộc và dẫn dắt đường đi cho họ;

12) Các thành viên của bộ tộc thường tin rằng họ được gắn bó với con vật totem bởi mối liên hệ cùng nguồn gốc (Dẫn theo: Sigmund Freud, 2001: 174-175).

Người ta cho rằng, ở đây S. Reinach đã đưa vào mọi dấu hiệu và hiện tượng còn lại mà từ đó người ta có thể khai thác vài điểm gây tranh cãi của hệ thống totem giáo. Điều đáng chú ý của tác giả này là, ông đã đẩy một trong hai đặc trưng căn bản của totem giáo về phía sau và bỏ qua đặc trưng quan trọng thứ hai của totem giáo đó là nguồn gốc của totem, những cấm kỵ nội hôn hay loạn luân.

Những luận điểm của J. Frazer mang lại cho người đọc bức tranh chân thực hơn về các đặc trưng của totem giáo. Trong tác phẩm *Totemism and Exogamy*, J. Frazer đã chỉ ra, totem gắn liền với những cấm kỵ, đặc biệt là sự loạn luân. Ông cho rằng đây

là phát minh cực kỳ quan trọng trong tiến trình lịch sử loài người. Theo ông, *totem* là một đối tượng vật chất mà người man rợ bày tỏ lòng sùng kính mê tín, vì họ tin rằng có một mối liên hệ đặc biệt giữa họ và đối tượng vật chất kia. Mối quan hệ giữa con người và cái chết của họ là quan hệ qua lại, totem hộ mệnh cho con người, và con người chứng minh lòng tôn kính của mình đối với totem bằng nhiều cách khác nhau, chẳng hạn như không giết totem, không ngắt hái nếu như nó là cây cối. Totem khu biệt với linh vật (*fetish*) ở chỗ, nó không khi nào là đồ vật riêng lẻ như linh vật, mà luôn là một giống vật, theo quy luật là một loài động vật hay thực vật, hiếm khi là một lớp (*klasse*) các vật vô sinh và càng hiếm khi là đồ vật nhân tạo (Dẫn theo: Sigmund Freud, 2001: 177).

Có thể viện dẫn những nhận định của S. Freud để khái quát lại totem giáo như sau: Totem giáo vừa là một hệ thống tôn giáo, vừa là hệ thống xã hội. Trên phương diện tôn giáo thì nó tồn tại trong các quan hệ tôn kính và hòa hợp qua lại giữa một con người với totem của họ, trên phương diện xã hội thì nó đứng trong các nghĩa vụ đối lập của các thành viên trong bộ tộc cũng như chống lại các bộ tộc khác. Trong giai đoạn phát triển về sau của totem giáo, hai phương diện trên có vẻ tách rời nhau; hệ thống xã hội thường vượt lên trên hệ thống tôn giáo, và ngược lại, các bộ phận của totem giáo vẫn còn lưu lại trong tôn giáo của những nước trong đó hệ thống xã hội ẩn mình trong totem giáo (Sigmund Freud, 2001: 177-178).

Về khía cạnh tôn giáo, J. Frazer nhấn mạnh rằng, các thành viên của bộ tộc gọi tên mình theo tên totem và theo quy luật cũng tin rằng họ ra đời từ đó. Vì vậy, với niềm tin đó, họ không săn bắn totem, không

giết cũng như không ăn thịt totem và giữ lời nguyên về tập quán của totem. Những cấm kỵ về bắt và giết totem không phải là cấm kỵ duy nhất, mà đôi khi còn cấm đụng chạm và nhìn nó; trong một số trường hợp còn không được phép gọi đúng tên thật của con totem. Những vi phạm đến điều cấm kỵ nhằm bảo vệ totem sẽ bị trừng phạt bởi ốm đau, bệnh tật hoặc dẫn đến cái chết (Dẫn theo: Sigmund Freud, 2001: 178).

4. Một số quan điểm về totem giáo

Các nhà nhân học kinh điển cũng đã dành khá nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu sâu về hiện tượng totem giáo. Khởi đầu là những nghiên cứu nhằm vào việc diễn giải vai trò xã hội của totem như là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa vào thế giới nguyên thủy, đặc biệt để tìm hiểu quá trình phát triển của tôn giáo.

Trong cuốn *Les formes élémentaires de la vie religieuse (Những hình thức sơ khai của đời sống tôn giáo)* xuất bản năm 1912, Emil Durkheim đưa ra lý thuyết chung về bản chất xã hội và tầm quan trọng của tôn giáo, trong đó totem giáo được coi là dẫn chứng sinh động đối với các luận điểm mà ông đề xuất. Totem giáo là dạng sơ khai - cơ bản nhất của tôn giáo. Ông không tìm hiểu totem giáo ở khía cạnh nguồn gốc của tôn giáo mà đi sâu vào chức năng và bản chất xã hội của nó. Theo ông, những gì được biểu thị trong totem giáo đều diễn ra tương tự ở tất cả các tôn giáo khác: Tôn giáo nói chung và totem giáo nói riêng đều là hiện tượng xã hội, xuất sinh từ thực tiễn xã hội chứ không phải từ tự nhiên. Luận điểm về *cái thiêng* của ông, với ý nghĩa là “sự lý tưởng hóa cái xã hội” và tôn giáo thực chất là một hình ảnh cụ thể của “ý thức tập thể”, là tư tưởng cốt lõi và có giá trị nhất. Bằng những dẫn chứng từ thực tiễn dân tộc học ở Úc, ông đã chỉ ra rằng, totem

của các thị tộc được coi là thiêng liêng và sùng kính không phải bởi bất kỳ thuộc tính khách quan vốn có nào của totem, mà bởi nó biểu tượng hóa thị tộc (Dẫn theo: Bùi Quang Thắng, 2004).

L. Bruhl lại nhìn nhận và diễn giải ở một phương diện khác - *phương thức tư duy đặc thù của con người trong xã hội nguyên thủy* - cái mà ông gọi là “*tâm thức nguyên thủy*” (*primitive mentality*). L. Bruhl giả định về một sự khác nhau cơ bản giữa *tâm thức nguyên thủy* và *tâm thức văn minh*. Ông đã chứng minh hệ thống tư duy của người nguyên thủy hoàn toàn khác với tư duy logic và suy luận duy lý của khoa học thực chứng ở nền văn minh phương Tây, ông gọi đó là tư duy *thoại huyền* (*mystical*) và *tiền-logic* (*pri-logical*). Điều quan trọng là ý tưởng: Kiểu tư duy này không hề thấp kém hơn tư duy của con người hiện đại, mà chỉ đơn giản là khác với cách tư duy của chúng ta thời nay mà thôi. Ông đã đưa ra một khái niệm mang tính cách mạng - *luật tham dự* (*law of participation*) - chính luật này quy định/ chi phối tư duy *tiền-logic*. Có thể coi quan điểm của L. Bruhl là một bước tiến trong tiến trình của lịch sử khoa học, cần phải có một cái nhìn khác về con người và xã hội nguyên thủy. Trong tâm trí của người nguyên thủy không có chỗ cho những khái niệm kiểu của chúng ta về luật nhân quả hay nguyên tắc không mâu thuẫn, mà thay vào đó là luật tham dự. Trong bản thể luận của người nguyên thủy, người và mọi vật liên kết với nhau, chia sẻ với nhau với cùng một bản chất (Theo: Hội Dân tộc học - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2004).

Trong tác phẩm *Totemism*, Lévy Strauss nhấn mạnh quan điểm cần xóa bỏ hủ ngàn cách có tính định kiến giữa tâm trí của người nguyên thủy và tâm trí của chúng ta. Ông phê phán rằng, những tác giả đi trước

thường khoét sâu thêm sự khác biệt và càng làm xa cách thêm khoảng cách giữa người nguyên thủy với chúng ta, giữa tôn giáo của họ với tôn giáo của ta, giữa phương pháp tư duy của họ với phương pháp tư duy của ta. Diễn giải của những học giả đi trước về tục thờ totem (hay tôn giáo nói chung) là nguy tạo, bởi họ theo một logic - mà logic này lại không nằm trong những phong tục tập quán kỳ lạ của những dân tộc bản địa, mà nằm ngay trong tâm trí của chúng ta. Qua những tư liệu dân tộc học, Lévy Strauss đã đưa ra một cách diễn giải mới: Thực chất, totem giáo là dạng thức phân loại trong đó vật thể tự nhiên được dùng để biểu thị các đơn vị xã hội. Sự phân loại này có dụng ý sâu xa của nó: Với tư cách là một cách định danh tập thể, người nguyên thủy đã sử dụng sự khác biệt để biểu đạt sự hợp nhất, tính tổng thể của xã hội (Dẫn theo: Bùi Quang Thắng, 2004).

Một nhà nghiên cứu khác cần nhắc đến khi bàn về totem giáo là nhà phân tâm học S. Freud. Mặc dù giới nhân học ngày nay không thừa nhận ông như là một trong những ông tổ của mình, nhưng nhiều tư tưởng của ông đã được các nhà nhân học Mỹ tiếp nhận và hình thành nên trường phái nhân học - phân tâm học.

5. Biểu hiện của tục thờ totem trong đời sống tín ngưỡng dân tộc Thái

Trong các tộc người thiểu số ở Việt Nam, từ huyền thoại đến đời sống thực tiễn hiện nay cho thấy biểu hiện của hình thức thờ cúng totem tuy không còn phổ biến như trước đây nhưng cũng không hiếm gặp. Đó là những huyền tích về nguồn gốc tộc người mà cho đến nay vẫn còn lưu giữ trong ý thức của mỗi cộng đồng.

Thái là một trong những cộng đồng tộc người được cấu thành từ nhiều dòng họ khác nhau. Ngay trong một mường,

một bản cũng có nhiều dòng họ cùng cư trú. Trong xã hội Thái cổ truyền, người ta phân biệt giữa dòng họ quý tộc và dòng họ thứ dân. Dòng họ quý tộc gồm: họ Cầm, Bạc, Sa, Đèo, Sầm, Lò,... còn các dòng họ Vi, Lô, Quàng, Lường, Lương, Lộc, Ngân là các dòng họ thứ dân. Ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An, có những dòng họ thứ dân đã trở thành dòng họ quý tộc, mang thêm chức vị được phong bên cạnh tên họ: Hùn Vi, Mứn Quàng,...

Mỗi dòng họ đều có một truyền thuyết về totem của mình. Khi vật totem gặp nạn, những người trong dòng họ phải hết lòng cứu giúp, mai táng, tuyệt đối không được làm hại đến những con vật được coi như tổ tiên của mình. Vì vậy, dấu hiệu riêng để phân biệt các dòng họ chính là tục thờ totem.

Theo các cụ già người Thái, các dòng họ Thái thờ totem là những con vật trùng tên với dòng họ của mình. Tuy nhiên, cũng có một số dòng họ thờ totem có tên gọi khác với tên dòng họ. Ví dụ như họ Cà kiêng giết và ăn thịt chim *cốt ca*; họ Cầm kiêng ăn con quạ; họ Lô thờ chim *nộc tầng lo*; họ Quàng kiêng giết và ăn thịt *hổ*; họ Hà và họ Lang không ăn thịt chim *cuốc*; họ Hà lại kiêng ăn thịt chim *bìm bịp*^(*); họ Lương cũng thờ *hổ*,

(*) Câu chuyện truyền thuyết về totem của họ Hà được kể như sau: họ Hà không ăn thịt chim bìm bịp bởi nó là ân nhân đã chỉ cho ông tổ của dòng họ cách chữa gãy xương. Ngày ấy, có người trong dòng họ gãy chân, thần linh báo mộng bảo ông họ Hà bẻ gãy chân bìm bịp con và xem cách nó chữa lành đoạn xương bị gãy mà làm theo. Sáng hôm sau, ông lên rừng gặp ngay tổ bìm bịp và bẻ gãy chân một con trong đàn chim non. Một vài ngày sau ông trở lại thấy chân chú chim đã lành và quẩn quanh chiếc chân gãy là một cái lá rừng. Ông cầm lên và nhận ra lá loài cây rất quen thuộc, bấy lâu không ai biết được nó có tác dụng chữa gãy xương. Sau này, họ Hà có phương pháp bí truyền chữa gãy xương.

thậm chí là mèo; họ Lang thờ chim quốc, họ Ngân thờ rắn; có nơi kiêng dùng quạt (vì) để quạt xôi...

Người Thái dòng họ Vi thờ con *niềng niềng*. Ngoài ra, họ Vi cũng không được phép giết hại con *niều vì* - totem của dòng họ. Nếu thành viên nào đó trong dòng họ nhìn thấy con vật đó bị thương thì phải đưa về chăm sóc đến khi lành hẳn thì thả vào rừng, còn bắt gặp xác chết của con vật đó thì phải chôn cất và làm lễ cúng cẩn thận. Khi làm nhà, người Thái dòng họ Vi phải nằm cội, nghĩa là phía gốc cây dùng để làm xà và hạ của ngôi nhà phải hướng về phía đầu giường ngủ. Con dâu không được buông tóc, ngồi ở gian nhà ngoài, chỉ trừ cha mẹ chết mới được ngồi đó.

Còn dòng họ Lò của người Thái có tục thờ totem là con chim *táng lò*, vì vậy, các thành viên của dòng họ này phải thực hiện điều cấm kỵ (*tabu*) là không được giết hay ăn thịt chim *táng lò*, và không ăn thứ măng lò...

Đôi khi các dòng họ thờ totem không trùng tên, nhưng có một số dòng họ cùng thờ chung một totem như: họ Quàng, Lự, Lường, Lộc đều cùng có kiêng kỵ giống nhau là không giết và ăn thịt hổ; họ Lò, Vi kiêng giết, ăn thịt rắn, lươn; họ Lương kiêng ăn *to* - nấm mọc trên các gốc cây đã đổ trên rừng, và không đụng đến các gốc cây đó.

Chính nhờ tục thờ totem mà người Thái đã nhận thức khá rõ ràng về nguồn gốc dòng họ và hạn chế tới đa tình trạng hôn nhân cận huyết. Hiện nay, ý thức về nguồn gốc dòng họ tại các cộng đồng dân

tộc Thái ở nước ta không còn sâu đậm như trước đây. Ý thức thờ totem cũng đã mờ nhạt trong cộng đồng tộc người này. Những huyền tích về dòng họ chỉ còn lưu lại trong trí nhớ của những người cao tuổi.

6. Thay lời kết

Dù cách thức tôn kính và thờ cúng totem có những biểu hiện đa dạng ở các cộng đồng người khác nhau, tuy nhiên điểm chung nổi bật nhất của tục thờ totem ở các cộng đồng là đều có những cấm kỵ nghiêm ngặt liên quan đến totem. Các thành viên của một chi họ totem đều là anh chị em với nhau, có trách nhiệm giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau; trong trường hợp một người trong chi họ totem bị một thành viên ngoại tộc giết hại, cả bộ tộc của kẻ giết người kia phải gánh chịu trách nhiệm về sự đổ máu đó, và cả dòng họ của người xâu sổ đều đồng tâm như một yêu cầu trả “món nợ máu”. Liên hiệp theo totem mạnh hơn nhiều so với gia tộc theo cách hiểu của chúng ta; chúng không đồng nhất với nhau, bởi việc chuyển giao totem về nguyên tắc theo thừa kế mẫu hệ và khởi thủy không hề có chuyện thừa kế theo phụ hệ.

Quy định cấm kỵ còn cấm các thành viên cùng một họ totem lấy nhau, tuyệt đối không được quan hệ tính giao với nhau. Đó chính là hiện tượng *ngoại tộc hôn* nổi tiếng và huyền bí gắn kết với totem giáo. Có thể nói, đây là biện pháp chống lại sự loạn luân trong quần hôn, tránh loạn luân cho thế hệ trẻ và tránh rắc rối cho thế hệ cao niên.

W. Wundt là người đầu tiên đưa ra những lý giải về mặt xã hội học đối với tục thờ totem. Trong cuốn *Những yếu tố của tâm lý học dân tộc* (1912), W. Wundt nhận định: Con vật tổ (Totemtier) được coi là con vật tổ tiên (Ahnentier) của nhóm người. Totem một mặt là một tên gọi cội nguồn, và trong ý nghĩa sau tên gọi đó mang ý nghĩa

Người đứng đầu dòng họ đặt ra tục kiêng ăn thịt bìm bịp và nếu “ân nhân” có gặp nạn thì phải tận tình cứu giúp (Nguồn: <http://baonghean.vn/bai-3-chuyen-cua-mot-gia-ban-46862.html>).

huyền thoại (Mythodologische Bedeutung). Sự vận dụng khái niệm này bao hàm cả hai nghĩa trên, mỗi ý nghĩa đều có thể khôi phục, cho nên trong một số trường hợp, *totem* biến thành một danh mục tùy tiện của các chi trong dòng tộc (Stammesabteilungen), mà đáng lẽ ra trước tiên nó phải biểu đạt về nguồn gốc hay ý nghĩa thờ cúng của totem... Khái niệm về totem trở thành tiêu chí cho việc phân chia dòng họ và tổ chức dòng họ (Hội Dân tộc học - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, 2004).

Gắn liền với các tiêu chí trên và sự ổn định của chúng trong tín ngưỡng và cảm xúc của các thành viên trong dòng tộc, không phải ngẫu nhiên mà người ta xem totem là tên cho một nhóm thành viên của dòng tộc, và cũng thường được coi là tổ tiên của chi họ tương ứng... Bởi vậy, tổ tiên con vật đã là đối tượng của sự thờ cúng. Việc thờ cúng con vật mang ý nghĩa totem, ngoại trừ một số nghi lễ nhất định và lễ hội nào đó: không phải một con vật riêng lẻ nào, mà là đại diện của cùng một giống, trong một chủng mục, đều được coi là những con vật thiêng; người cùng totem bị cấm ăn thịt loài vật hoặc chỉ được phép ăn trong những dịp nhất định.

Khía cạnh xã hội quan trọng nhất của việc phân chia cội nguồn theo totem nằm ở các chuẩn mực của phong tục tập quán về

quan hệ tính giao của nhóm. Những chuẩn mực ấy trước hết liên quan đến quan hệ hôn nhân. Vì vậy, sự phân chia dòng tộc gắn kết với một hiện tượng quan trọng xuất hiện lần đầu tiên trong kỷ nguyên totem giáo - đó là ngoại tộc hôn (Sigmund Freud, 2001: 181-182). W. Wundt đã khái quát hóa chức năng xã hội của totem giáo là bộ luật không thành văn xưa cũ nhất của nhân loại về hôn nhân và gia đình □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Đỗ Dũng (1967), *Luận lý và tư tưởng trong huyền thoại* (Một quan niệm văn minh mới theo C. L. Strauss), Nxb. Trình bày, Sài Gòn.
2. Bùi Quang Thắng (2004), trong Hội Dân tộc học - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2004), Tài liệu của lớp học “Về thế giới quan bản địa”, ngày 11-14/05/2004
3. Sigmund Freud (2001) *Nguồn gốc của văn hóa và tôn giáo (Totem và cấm kỵ)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.45.
4. Hội Dân tộc học - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (2004), Tài liệu của lớp học “Về thế giới quan bản địa”, ngày 11-14/05/2004.
5. <http://baonghean.vn/bai-3-chuyen-cua-mot-gia-ban-46862.html>.